

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	27 tháng 6 năm 2009	-
Ông Hồ Quốc An	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Trần Thanh Nguyên	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Khắc Dụng	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	23 tháng 4 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	23 tháng 4 năm 2011
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	17 tháng 4 năm 2010	23 tháng 4 năm 2011

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Trung Hà	Trưởng ban	23 tháng 4 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lưu Đình Ái	Trưởng ban	28 tháng 3 năm 2009	23 tháng 4 năm 2011
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	17 tháng 4 năm 2010	23 tháng 4 năm 2011

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2000

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



LÂM THIẾU QUẢN
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 119-21-11

Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo hợp nhất liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo ("các báo cáo tài chính hợp nhất") như được trình bày từ trang 4 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào công việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và với ý kiến chấp nhận toàn phần như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 21 tháng 4 năm 2011.


Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và giải trình trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như đánh giá sự trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.




NGUY QUOC TUAN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012


NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		422.275.406.282		406.083.387.103	
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	50.601.583.927		49.229.141.377	
Tiền	111		37.497.448.822		33.994.868.784	
Các khoản tương đương tiền	112		13.104.135.105		15.234.272.593	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	11.282.011.827		11.223.403.986	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		11.282.011.827		11.223.403.986	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		193.586.625.704		215.244.507.818	
Phải thu khách hàng	131	39	170.867.316.744		195.179.467.719	
Trả trước cho người bán	132		20.351.219.451		19.340.940.588	
Phải thu khác	135	8;39	4.656.036.989		2.331.643.760	
Dự phòng phải thu khó đòi	139	9	(2.287.947.480)		(1.607.544.249)	
Hàng tồn kho	140	10	129.110.898.997		105.080.854.418	
Hàng tồn kho	141		135.752.767.456		110.478.009.549	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.641.868.459)		(5.397.155.131)	
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.694.285.827		25.305.479.504	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.517.491.118		2.828.285.011	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.576.074.561		7.199.363.886	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		12.016.278		-	
Tài sản ngắn hạn khác	158	12	27.588.703.870		15.277.830.607	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.912.117.628		205.811.252.324	
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000		-	
Phải thu dài hạn khác	218		3.000.000		-	
Tài sản cố định	220		228.381.333.181		111.771.331.039	
Tài sản cố định hữu hình	221	13	159.179.718.543		9.951.503.714	
- Nguyên giá	222		176.872.015.253		23.670.162.620	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.692.296.710)		(13.718.658.906)	
Tài sản cố định vô hình	227	14	67.965.095.717		58.224.535.613	
- Nguyên giá	228		70.498.746.381		58.840.140.825	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.533.650.664)		(615.605.212)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.236.518.921		43.595.291.712	
Bất động sản đầu tư	240	16	15.505.224.590		21.234.353.401	
- Nguyên giá	241		38.179.543.108		37.583.618.667	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.674.318.518)		(16.349.265.266)	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		64.131.569.805		60.415.265.131	
Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	46.021.465.334		51.858.917.667	
Đầu tư dài hạn khác	258	18	20.110.104.471		9.356.347.464	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(2.000.000.000)		(800.000.000)	
Tài sản dài hạn khác	260		33.769.325.924		12.390.302.753	
Chi phí trả trước dài hạn	261	20	26.720.690.897		4.093.059.081	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36	1.777.144.427		885.199.578	
Tài sản dài hạn khác	268	21	5.271.490.600		7.412.044.094	
Lợi thế thương mại	269	22	3.121.664.128		-	
TỔNG TÀI SẢN	270		767.187.523.910		611.894.639.427	

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		385.452.284.970	300.965.662.476
Nợ ngắn hạn	310		291.158.127.023	238.662.228.965
Vay ngắn hạn	311	23	70.920.991.432	66.850.751.780
Phải trả người bán	312	39	110.908.715.294	72.710.971.042
Người mua trả tiền trước	313		32.846.728.105	18.602.692.081
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	24	33.045.927.869	25.534.633.648
Phải trả người lao động	315		9.012.839.920	9.695.934.191
Chi phí phải trả	316	25	6.481.481.348	7.401.904.253
Phải trả nội bộ	318		37.782.561	-
Phải trả khác	319	26;39	13.530.313.010	28.670.353.804
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		8.493.596.419	5.233.385.392
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.879.751.065	3.961.602.774
Nợ dài hạn	330		94.294.157.947	62.303.433.511
Phải trả dài hạn khác	333		1.228.632.200	972.738.200
Vay dài hạn	334	27	87.696.208.298	52.848.099.585
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.318.040.858	459.003.497
Doanh thu chưa thực hiện	338		1.027.167.454	6.589.332.710
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		3.024.109.137	1.434.259.519
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.724.923.120	190.527.695.811
Vốn chủ sở hữu	410	28	221.724.923.120	190.527.695.811
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.103.990.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		106.863.282	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	98.919.353
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.512.427.325	2.743.029.262
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102.017.322.513	71.597.437.196
LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	29	160.010.315.820	120.401.281.140
TỔNG NGUỒN VỐN	440		767.187.523.910	611.894.639.427

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người phê duyệt:



LÂM THIỂU QUẢN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	722.637.438.096	634.500.005.723
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	(1.572.732.918)	(6.915.407.154)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	30	721.064.705.178	627.584.598.569
Giá vốn hàng bán	11	31;40	(525.640.462.108)	(433.710.836.341)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.424.243.070	193.873.762.228
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	17.875.721.282	10.772.499.487
Chi phí tài chính	22	33	(20.820.939.570)	(16.416.781.203)
Chi phí bán hàng	24	40	(46.637.134.880)	(45.690.511.500)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	40	(61.692.004.569)	(57.760.363.834)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.149.885.333	84.778.605.178
Thu nhập khác	31	34	3.635.449.374	1.396.880.534
Chi phí khác	32	35	(868.413.568)	(1.183.292.448)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		2.767.035.806	213.588.086
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	17	5.126.817.916	1.729.063.530
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	36	92.043.739.055	86.721.256.794
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	(14.550.989.888)	(19.465.079.482)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	891.944.849	758.508.167
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.384.694.016	68.014.685.479
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	29	32.855.308.530	28.746.371.080
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	28	45.529.385.486	39.268.314.399
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.922	3.383

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người phê duyệt:



LÂM THIỀU QUÂN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế trong năm	01		92.043.739.055	86.721.256.794
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02		16.108.523.120	10.446.254.592
Thay đổi các khoản dự phòng	03		6.385.327.586	1.786.699.012
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		821.633.001	163.434.419
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		(178.565.742)	(124.103.056)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06		(20.451.946.467)	(8.799.471.868)
Chi phí lãi vay	07		13.191.931.367	8.397.425.677
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		107.920.641.920	98.591.495.570
Giảm các khoản phải thu	09		23.287.163.571	16.306.173.340
Tăng hàng tồn kho	10		(25.274.757.907)	(10.733.674.738)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(50.342.998)	27.856.963.957
Tăng chi phí trả trước	12		(1.350.623.723)	(2.415.748.630)
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.539.811.691)	(7.177.668.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.147.660.823)	(16.120.153.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.140.553.494	49.022.410.714
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.878.794.153)	(59.358.856.030)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		63.106.367.690	95.970.942.913
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(126.507.224.926)	(95.527.196.835)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		499.016.513	347.884.789
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(125.944.561.222)	(32.314.918.963)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		125.885.953.381	27.156.010.959
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.137.824.568)	(5.009.295.000)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		27.770.337.810	3.273.120.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.778.057.910	2.669.779.044
Tiền chi thuần để mua công ty con	28		(2.695.887.298)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư	30		(113.352.132.400)	(99.404.616.006)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		21.986.923.695	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		290.653.291.071	225.271.265.031
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34		(251.734.942.706)	(207.205.728.955)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.287.064.800)	(13.948.628.104)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động tài chính	40		51.618.207.260	4.116.907.972

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
TĂNG TIỀN THUẬN TRONG NĂM	50		1.372.442.550	683.234.879
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	6	49.229.141.377	48.543.842.439
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.064.059
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	6	50.601.583.927	49.229.141.377

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong năm có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	2011	2010
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	8.830.826.809	16.486.174.845
Chuyển lợi nhuận được chia thành vốn góp bổ sung	-	4.253.400.000
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	5.232.200.000	-
Vốn hóa chi phí lãi vay vào nguyên giá tài sản cố định	8.452.701.785	-

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người phê duyệt:



LÂM THIỆU QUÂN
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1, đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lắp trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 116.103.990.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.385.355	11,93%	1.385.355	11,93%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	1.000.000	8,61%	1.191.960	10,27%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.576.835	13,58%	1.576.835	13,58%
Vietnam Investment Limited	1.074.183	9,25%	1.074.183	9,25%
Các cổ đông khác	6.574.026	56,63%	6.382.066	54,97%
	11.610.399	100%	11.610.399	100%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Các công ty con và công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo gồm:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp	59,27%	59,27%
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông	82,74%	82,74%
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Mua bán, lắp đặt thiết bị cơ khí, thiết bị phục vụ xây dựng và công nghiệp, thiết bị điện, điện tử, tin học và viễn thông.	50,51%	50,51%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dân dụng, điện tử và tin học	71,79%	71,79%
Công ty TNHH Một thành viên Phần mềm Tiên Phong	Sản xuất và cung cấp dịch vụ liên quan đến các phần mềm tin học	100%	100%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	43,57%	52,87%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh (**)	Sản xuất thiết bị điện, máy phát điện, máy biến thế, pin, ắc quy, dây cáp và sợi cáp	35,88%	64,94%
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem (***)	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện	22,22%	51,00%
Công ty Cổ phần Inno (***)	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, chống sét, viễn thông và trung tâm dữ liệu cho thuê	43,48%	99,8%
Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, phần mềm, truyền thông, giao thông vận tải và thiết bị văn phòng	32,00%	32,00%
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, phần mềm, máy tính, tin học và viễn thông	70,16%	25,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu (***)	Thi công, xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và hệ thống điện; cho thuê thiết bị viễn thông, điện, nhà trạm và cột ăng ten	17,88%	41,02%

Trong đó:

- (*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 52,87% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 50,93%).
- (**) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư trực tiếp là 6,22%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh là 29,66%.
- (***) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 521 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 571 nhân viên).

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 38.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

3.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được loại trừ với khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

3.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo tài chính theo qui định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.7. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	2

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

3.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn của Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 31 đến 45 năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Quyền sử dụng công nghệ

Quyền sử dụng công nghệ bao gồm quyền sử dụng công nghệ chính thức nhận dưới dạng vốn góp (50%) và giá mua (50%). Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng công nghệ được xác định dựa trên thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh và Electrotecnica Arteche Hermanos - S.A tại thời điểm nhận quyền sử dụng công nghệ. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ quyền sử dụng công nghệ.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua bản quyền phần mềm thu phí giao thông. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng tài sản chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

3.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

Trạm thu phát sóng	<u>Năm</u> 5 - 6
--------------------	---------------------

3.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

3.16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 30 năm kể từ ngày của hợp đồng thuê.

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi doanh nghiệp chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 5 năm.

3.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

3.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

3.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.23. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

3.24. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh. Tập đoàn hoạt động ở Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

3.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm khác và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông và công ty liên kết của Công ty, và các cổ đông, nhà đầu tư và các công ty liên kết của các Công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.27. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

3.28. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

3.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

3.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	2011			2010		
	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Điện – Điện tử	171.553.150.042	(110.681.770.727)	60.871.379.315	185.153.422.801	(125.842.112.161)	59.311.310.640
Viễn thông – Tin học	154.514.833.404	(115.856.177.363)	38.658.656.041	144.249.982.931	(107.888.169.074)	36.361.813.857
Điện – Điện công nghiệp	270.343.238.596	(205.383.640.316)	64.959.598.280	216.039.304.590	(151.478.975.648)	64.560.328.942
Hạ tầng – Giao thông	124.653.483.136	(93.718.873.702)	30.934.609.434	82.141.888.247	(48.501.579.458)	33.640.308.789
	721.064.705.178	(525.640.462.108)	195.424.243.070	627.584.598.569	(433.710.836.341)	193.873.762.228

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (GLT), Công ty con trong Tập đoàn, đã mua lại 99,8% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno tương đương với 2.994 triệu VNĐ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Inno là mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Hoạt động mua lại này đã có những ảnh hưởng đến tài sản và công nợ của Tập đoàn vào ngày mua lại như sau:

	Giá trị ghi sổ trước khi mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị được ghi nhận khi mua lại
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.112.702	-	298.112.702
Trả trước nhà cung cấp	1.576.341.000	-	1.576.341.000
Tài sản ngắn hạn khác	432.079.110	-	432.079.110
Người mua trả tiền trước	(2.095.800.000)	-	(2.095.800.000)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	(829.059)	-	(829.059)
Phải trả khác	(590.675.783)	-	(590.675.783)
Giá trị tài sản thuần có thể xác định	(380.772.030)	-	(380.772.030)
Giá phí hợp nhất kinh doanh			2.994.000.000
Lợi thế thương mại tại ngày mua			3.374.772.030
Tiền nhận được tại thời điểm mua			298.112.702
Tiền thuần chi ra cho việc mua lại			2.695.887.298

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	865.679.251	912.550.338
Tiền gửi ngân hàng	36.631.769.571	33.082.318.446
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	13.104.135.105	15.234.272.593
	50.601.583.927	49.229.141.377

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	19.736	51.709
- Euro ("EUR")	5.079	711

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết, với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2010: 13,60% một năm)	6.468.268.392	7.000.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong, bên liên quan, với lãi suất 18% một năm (2010:18%)	800.000.000	800.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, công ty liên kết và không tính lãi suất	200.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	3.813.743.435	1.843.903.986
Khoản vay cung cấp cho Ông Phạm Khắc Tân và không tính lãi suất	-	1.579.500.000
	11.282.011.827	11.223.403.986

8. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai khấu trừ	1.600.416.616	835.654.364
Khoản phải thu hồi vốn góp từ công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	1.000.000.000	-
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	483.740.736	142.800.588
Phải thu lãi vay	283.520.641	158.450.000
Phải thu các công ty liên kết	255.869.092	-
Phải thu khác	1.080.737.004	1.194.738.808
	4.656.036.989	2.331.643.760

(*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (GLT), Công ty con trong tập đoàn, ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu là do GLT đầu tư 100% vốn, chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.607.544.249	1.174.774.580
Dự phòng tăng trong năm	1.360.958.088	432.769.669
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(680.554.857)	-
Số dư cuối năm	2.287.947.480	1.607.544.249

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Hàng mua đang đi đường	1.377.479.942	93.529.381
Nguyên vật liệu	7.224.026.700	4.565.379.531
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.196.073.978	46.413.432.595
Thành phẩm	854.345.799	394.270.523
Hàng hóa	67.873.729.696	58.988.986.189
Hàng gửi đi bán	227.111.341	22.411.330
	135.752.767.456	110.478.009.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.641.868.459)	(5.397.155.131)
	129.110.898.997	105.080.854.418

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	5.397.155.131	4.843.225.788
Tăng trong năm	1.619.116.293	553.929.343
Hoàn nhập dự phòng	(374.402.965)	-
Số dư cuối năm	6.641.868.459	5.397.155.131

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tiền thuê đất cho trạm thu phát sóng	Tiền thuê mặt bằng, văn phòng, kho	Công cụ dụng cụ	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.051.907.816	73.285.263	413.834.185	289.257.747	2.828.285.011
Tăng trong năm	5.372.331.600	243.719.890	814.062.262	337.015.541	6.767.129.293
Phân bổ trong năm	(5.155.587.338)	(196.965.753)	(635.436.355)	(89.933.740)	(6.077.923.186)
Số dư cuối năm	2.268.652.078	120.039.400	592.460.092	536.339.548	3.517.491.118

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng cho nhân viên	8.767.965.984	2.408.272.635
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	18.820.604.257	12.862.045.972
Tài sản thiếu chờ xử lý	133.629	7.512.000
	27.588.703.870	15.277.830.607

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	2.737.229.964	11.197.610.856	9.679.505.320	55.816.480	23.670.162.620
Tăng trong năm	139.106.240	9.827.097.259	4.991.942.411	3.243.901.633	-	18.202.047.543
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	93.146.681.329	42.837.608.932	-	910.155.800	-	136.894.446.061
Thanh lý/xóa sổ	-	(253.727.244)	(590.659.286)	(1.050.254,441)	-	(1,894,640,971)
Số dư cuối năm	93.285.787.569	55.148.208.911	15.598.893.981	12.783.308.312	55.816.480	176.872.015.253
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	(1.703.382.698)	(5.230.227.487)	(6.729.232.241)	(55.816.480)	(13.718.658.906)
Hao mòn trong năm	(965.985.134)	(942.623.739)	(1.829.091.001)	(1.820.447.388)	-	(5.558.147.262)
Thanh lý/xóa sổ	-	253.727.244	344.551.282	986,230,932	-	1,584,509,458
Số dư cuối năm	(965.985.134)	(2.392.279.193)	(6.714.767.206)	(7.563.448.697)	(55.816.480)	(17.692.296.710)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	1.033.847.266	5.967.383.369	2.950.273.079	-	9.951.503.714
Số dư cuối năm	92.319.802.435	52.755.929.718	8.884.126.775	5.219.859.615	-	159.179.718.543

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 102.912 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 2.295 triệu VNĐ) được thế chấp tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 23 và 27).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 8.090 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 7.796 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	43.896.062.525	13.940.500.000	673.578.300	330.000.000	58.840.140.825
Tăng trong năm	-	11.658.605.556	-	-	11.658.605.556
Số dư cuối năm	43.896.062.525	25.599.105.556	673.578.300	330.000.000	70.498.746.381
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(162.062.785)	-	(261.042.427)	(192.500.000)	(615.605.212)
Hao mòn trong năm	(1.465.828.452)	(213.326.000)	(156.391.000)	(82.500.000)	(1.918.045.452)
Số dư cuối năm	(1.627.891.237)	(213.326.000)	(417.433.427)	(275.000.000)	(2.533.650.664)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	43.733.999.740	13.940.500.000	412.535.873	137.500.000	58.224.535.613
Số dư cuối năm	42.268.171.288	25.385.779.556	256.144.873	55.000.000	67.965.095.717

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại khoảng 42.268 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 43.734 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 23 và 27).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 133 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 75 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2011	2010
Số dư đầu năm		
Tăng trong năm	43.595.291.712	531.283.748
Chuyển sang bất động sản đầu tư	96.337.918.171	43.739.643.764
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(546.568.610)	(675.635.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(136.894.446.061)	-
	(1.255.676.291)	-
Số dư cuối năm	1.236.518.921	43.595.291.712

16. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	37.583.618.667
Tăng trong năm	72.453.920
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	546.568.610
Thanh lý	(23.098.089)
Số dư cuối năm	38.179.543.108
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(16.349.265.266)
Hao mòn trong năm	(6.337.832.083)
Thanh lý	12.778.831
Số dư cuối năm	(22.674.318.518)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.234.353.401
Số dư cuối năm	15.505.224.590

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Đầu tư vào công ty liên kết

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Thiên Vận	192.000	2.105.211.580	192.000	2.051.800.849
Công ty Cổ phần thanh toán trực tuyến Mùa Xuân (a)	-	-	183.000	2.634.099.176
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong (b)	231.000	1.792.017.357	211.000	1.966.458.502
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") (c)	3.213.340	42.124.236.397	3.995.340	45.206.559.140
		46.021.465.334		51.858.917.667

- (a) Tập đoàn đã đầu tư 2.650 triệu VNĐ, tương đương 18,77% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân. Khoản đầu tư này được trình bày như khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và được phân loại như khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (xem Thuyết minh 18).
- (b) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Tập đoàn là 25%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 69,84% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 71,55%).
- (c) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã góp 32.133.400.000 VNĐ, tương đương 41,02% vốn điều lệ của GII, trong đó Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("ITD") và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("GLT") lần lượt đã góp 0,02% và 41% vốn điều lệ của GII (31 tháng 12 năm 2010: 39.953.400.000 VNĐ, tương đương 51% vốn điều lệ của GII, trong đó, ITD và GLT đã góp lần lượt là 10% và 41%). Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng 782.000 cổ phiếu, tương ứng 9,98% vốn cổ phần của GII cho Southeast Asia Telecommunications Holdings Pte. Ltd, công ty được thành lập tại Singapore.

Biến động giá trị đầu tư trong các Công ty liên kết trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	51.858.917.667	43.744.151.700
Tăng trong năm	200.000.000	7.323.400.000
Lợi nhuận được chia	5.126.817.916	1.729.063.530
Chuyển nhượng vốn	(8.864.031.204)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	-	(937.697.563)
Phân loại lại	(2.636.000.000)	-
Điều chỉnh năm trước	335.760.955	-
	46.021.465.334	51.858.917.667

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	200.000.000
Đầu tư 100.000 USD vào Công ty TNHH Hanel - CSF Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân (Xem Thuyết minh 17)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011	2.650.000.000	-
Cho nhân viên vay để đầu tư vào Công ty Thiết bị điện Thạch Anh và không tính lãi suất	1.098.957.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	7.920.000.000	-
	5.109.552.471	5.824.752.464
	20.110.104.471	9.356.347.464

19. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	800.000.000	-
Tăng trong năm (*)	1.200.000.000	800.000.000
Số dư cuối năm	2.000.000.000	800.000.000

(*) Các khoản dự phòng tăng trong năm bao gồm:

	2011	2010
Dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	800.000.000	-
Dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	400.000.000	800.000.000
	1.200.000.000	800.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất trả trước	Chi phí thành lập	Chi phí trước hoạt động	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Nâng cấp văn phòng	Chi phí bảo trì, bảo hành trạm	Công cụ, dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu năm	-	118.422.674	1.388.298.939	838.995.474	240.577.319	815.307.274	691.457.401	4.093.059.081
Tăng trong năm	11.272.500.000	-	7.524.646.284	-	1.836.283.683	273.580.128	2.506.335.851	23.413.345.946
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	761.725.894	-	493.950.397	1.255.676.291
Phân bổ trong năm	(93.937.500)	(3.290.000)	(251.394.000)	(23.935.148)	(376.552.596)	(471.081.631)	(821.199.546)	(2.041.390.421)
Số dư cuối năm	11.178.562.500	115.132.674	8.661.551.223	815.060.326	2.462.034.300	617.805.771	2.870.544.103	26.720.690.897

21. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đặt cọc tiền thuê	2.300.678.000	2.621.442.889
Ký quỹ, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	2.753.880.480	4.460.339.813
Đặt cọc khác	216.932.120	330.261.392
	5.271.490.600	7.412.044.094

22. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	3.374.772.030
Giá trị hao mòn lũy kế	
Hao mòn trong năm và số dư cuối năm	(253.107.902)
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	3.121.664.128

23. Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Vay ngắn hạn ngân hàng (a)	16.581.469.852	32.452.216.780
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (b)	1.000.000.000	-
Vay ngắn hạn từ các cá nhân (c)	35.241.164.000	34.176.943.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 27)	18.098.357.580	221.592.000
	70.920.991.432	66.850.751.780

- (a) Các khoản vay ngắn hạn từ các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được đảm bảo bằng các tài sản cố định, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 13 và 14), và Quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản khác của một số thành viên Hội đồng Quản trị. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 16,5% đến 21,79% một năm (2010: 13% đến 16,5%).
- (b) Khoản vay từ Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kiều Phong là không cần đảm bảo và chịu lãi suất 14% một năm.
- (c) Vay ngắn hạn các cá nhân, không cần đảm bảo với lãi suất từ 12% đến 21% một năm (2010: 12% đến 19,8%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.203.704.853	5.472.120.183
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	874.185.491	964.600.653
Thuế xuất nhập khẩu	264.988.980	461.087.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.725.136.510	16.321.807.445
Thuế thu nhập cá nhân	2.171.943.693	1.399.869.802
Thuế nhà thầu	1.719.529.211	-
Các loại thuế khác	86.439.131	915.148.431
	33.045.927.869	25.534.633.648

25. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	780.790.254	1.675.968.793
Trích trước chi phí cho dự án	2.671.580.481	1.911.912.327
Chi phí lắp đặt, vận chuyển, nhân công trạm	2.760.324.131	3.337.220.658
Chi phí dịch vụ chuyên môn	88.000.000	264.523.319
Chi phí phải trả khác	180.786.482	212.279.156
	6.481.481.348	7.401.904.253

26. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Cổ tức phải trả	960.000.000	5.090.957.000
Phải trả khác cho cá nhân (*)	8.970.000.000	20.980.000.000
Phải trả khác cho các bên liên quan (*)	793.158.550	1.106.618.708
Tài sản thừa chờ xử lý	285.840.407	327.279.412
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	183,350,927	139.060.454
Nhận đặt cọc, ký quỹ	684.777.000	42.000.000
Tiền thuê đất từ bên liên quan	284.348.160	-
Các khoản phải trả khác	1.368.837.966	984.438.230
	13.530.313.010	28.670.353.804

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan và các cá nhân không cần đảm bảo và không chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay (a)	244.995.000	384.999.000
Khoản vay (b)	56.683.726.960	37.340.226.160
Khoản vay (c)	47.623.560.918	14.977.490.425
Khoản vay (d)	733.200.000	-
Khoản vay (e)	509.083.000	-
Khoản vay	-	366.976.000
	105.794.565.878	53.069.691.585
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 23)	(18.098.357.580)	(221.592.000)
	87.696.208.298	52.848.099.585

- (a) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Lê Văn Sỹ để mua xe ô tô. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay (xem Thuyết minh số 13) và được hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ tháng 12 năm 2010. Khoản vay này chịu lãi suất từ 17% đến 20% một năm (năm 2010: 17%).
- (b) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) với hạn mức tín dụng là 26.788 triệu VNĐ, 25.000 triệu VNĐ và 8.212 triệu VNĐ và được hoàn trả ba tháng một lần trong 16 đợt bằng nhau bắt đầu từ 16 tháng 3 năm 2012, 27 tháng 3 năm 2012 và 18 tháng 8 năm 2012. Lãi suất thực tế bình quân cho khoản vay từ 16,50% đến 23,50% một năm (2010: từ 16,50% đến 22,50% một năm). Khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số 13 và 14) và 1.200.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.
- (c) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60.000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD, tháng 12 năm 2011, cho đến tháng 12 năm 2018. Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Công ty (xem Thuyết minh số 13 và 14) và chịu lãi suất từ 19% đến 21% một năm (năm 2010: 19%).
- (d) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ("Techcombank") để mua xe ô tô. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay (xem Thuyết minh số 13) và được hoàn trả trong vòng 24 tháng kể từ tháng 5 năm 2011. Khoản vay này chịu lãi suất 17,75% một năm.
- (e) Khoản vay từ ngân hàng ACB để mua xe ô tô. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay (xem Thuyết minh số 13) và được hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2011. Khoản vay này chịu lãi suất 21,10% một năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

28. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010	116.103.990.000	(15.680.000)	204.783.467	2.524.125.699	-	46.570.264.445	132.783.819.040
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	39.268.314.399	39.268.314.399
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.948.628.104)	(13.948.628.104)
Trích lập các quỹ	-	-	-	684.314.148	-	(2.865.402.909)	(2.181.088.761)
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh do hợp nhất các công ty con	-	-	-	-	-	2.092.727.396	2.092.727.396
Trừ các khoản truy thu và nộp phạt thuế	-	-	-	(322.852.349)	-	(21.039.365)	(343.891.714)
Điều chỉnh tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ các Quỹ đầu tư phát triển và Dự phòng tài chính đã trích	-	-	(101.846.642)	(38.578.332)	-	140.424.974	-
Các điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(4.017.472)	(103.979.904)	-	360.776.360	252.778.984
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	98.919.353	2.743.029.262	-	71.597.437.196	190.527.695.811
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	45.529.385.486	45.529.385.486
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.287.064.800)	(9.287.064.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.076.826.438	-	(5.289.947.331)	(4.213.120.893)
Hoàn nhập/điều chỉnh quỹ	-	-	(98.919.353)	(101.533.527)	-	98.919.353	(101.533.527)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	106.863.282	-	106.863.282
Điều chỉnh cho năm trước	-	-	-	(205.894.848)	-	(631.407.391)	(837.302.239)
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	-	3.512.427.325	106.863.282	102.017.322.513	221.724.923.120

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	11.608.831	116.088.310.000	11.608.831	116.088.310.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011	2010
Số dư đầu năm	120.401.281.140	80.400.525.862
Vốn góp trong năm	27.219.123.695	28.502.199.640
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số	32.855.308.530	28.746.371.080
Cổ tức được chia	(19.750.216.065)	(16.063.087.369)
Trích lập các quỹ	(916.652.869)	(1.116.048.841)
Điều chỉnh các quỹ	(41.466.473)	-
(Mua)/bán cổ phiếu quỹ	(82.556.743)	33.996.951
Chênh lệch tỷ giá	173.424.555	(42.201.197)
Điều chỉnh cho năm trước	152.831.862	-
Khác	(761.812)	(60.474.986)
Số dư cuối năm	160.010.315.820	120.401.281.140

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2011	2010
Doanh thu bán hàng hóa	449.325.148.413	358.746.343.269
Doanh thu bán thành phẩm	25.377.492.274	21.474.145.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	68.980.082.722	95.069.478.432
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	28.506.310.709	25.952.177.330
Doanh thu xây dựng và lắp đặt	150.448.403.978	133.257.861.677
Tổng doanh thu	722.637.438.096	634.500.005.723
Hàng bán bị trả lại	(1.572.732.918)	(6.862.599.878)
Hàng bán giảm giá	-	(52.807.276)
Doanh thu thuần	721.064.705.178	627.584.598.569

31. Giá vốn hàng bán

	2011	2010
Giá vốn hàng hóa	328.627.872.743	258.883.352.555
Giá vốn thành phẩm	12.356.302.755	7.749.230.109
Giá vốn dịch vụ và kỹ thuật cung cấp	54.105.781.999	59.435.706.766
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	15.691.656.784	13.317.317.966
Giá vốn xây dựng và lắp đặt	113.614.134.499	93.721.767.002
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.244.713.328	603.461.943
	525.640.462.108	433.710.836.341

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011	2010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.693.668.599	1.410.815.938
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	216.527.290	1.345.200.291
Lãi tiền cho vay	806.231.813	1.278.517.188
Cổ tức và lợi nhuận được chia	186.700.849	3.558.295.918
Thu nhập từ bán cổ phần, thanh lý khoản đầu tư	9.422.000.000	822.779.294
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	35.476.996	62.730.234
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.340.797.500	2.289.223.587
Khác	174.318.235	4.937.037
	17.875.721.282	10.772.499.487

33. Chi phí tài chính

	2011	2010
Chi phí lãi vay	13.191.931.367	8.397.425.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	857.109.997	226.164.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.508.162.090	6.979.270.292
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.200.000.000	800.000.000
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	60.000.000	-
Khác	3.736.116	13.920.581
	20.820.939.570	16.416.781.203

34. Thu nhập khác

	2011	2010
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	499.016.513	347.884.789
Thu tiền từ hoa hồng	359.909.526	-
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	337.540.218	273.992.486
Hoàn nhập các khoản dự phòng	1.839.685.545	77.500.000
Hoàn thuế nhập khẩu	326.733.705	-
Xóa sổ các khoản nợ không xác định được chủ	-	8.386.037
Thu nhập khác	272.563.867	689.117.222
	3.635.449.374	1.396.880.534

35. Chi phí khác

	2011	2010
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	320.450.771	223.781.733
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	231.155.061	235.922.453
Chi phí khác	316.807.736	723.588.262
	868.413.568	1.183.292.448

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, công ty con, được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008 - 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo (2010 - 2012).

Đối với hoạt động chính của Công ty TNHH Phần Mềm Tiên Phong, công ty con, như được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh Báo cáo Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (2008 - 2011) và giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2012 - 2020).

Theo Nghị định Số 101/2011/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 08/2011/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2011, các hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó các Công ty trong Tập đoàn được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2011.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	2011	2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	14.496.236.783	19.465.079.482
Dự phòng thiếu từ các năm trước	54.753.105	-
	14.550.989.888	19.465.079.482
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	(891.944.849)	(758.508.167)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.659.045.039	18.706.571.315

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đãi chiếu thuế suất thực tế

	2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	92.043.739.055	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	22.998.322.975	25,00%
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất áp dụng ở các Công ty con trong Tập đoàn	(1.054.307.994)	(1,15%)
Chi phí không được khấu trừ	348.217.794	0,38%
Ưu đãi thuế	(2.171.911.360)	(2,38%)
Ảnh hưởng của giảm thuế	(5.917.969.919)	(6,48%)
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(1.751.001.623)	(1,90%)
Tài sản thuế hoãn lại trên các khoản lỗ thuế không được ghi nhận	1.152.942.061	1,25%
Dự phòng thiếu từ các năm trước	54.753.105	0,06%
	13.659.045.039	14,85%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được Tập đoàn ghi nhận và tình hình biến động trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(19.573.389)	-
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.368.102)	48.187.637
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	675.164.284	1.053.792.506	1.728.956.790
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	885.199.578	891.944.849	1.777.144.427

37. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông phổ thông là 45.529.385.486 VNĐ (2010: 39.268.314.399 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 11.608.831 cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.608.831 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	2011	2010
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông công ty mẹ	45.529.385.486	39.268.314.399
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	11.608.831	11.608.831
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.922	3.383

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

38. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"), đồng Euro ("EUR") và Đô la Singapore ("SGD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD, EUR và SGD như sau:

	31 tháng 12 năm 2011			31 tháng 12 năm 2010		
	USD	EUR	SGD	USD	EUR	SGD
Tài sản tài chính						
Tiền	19.736	5.079	-	51.709	711	-
Đầu tư ngắn hạn	270.000	-	-	-	-	-
Trả trước cho người bán	15.054	16.140	269.922	41.360	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	85.478	-	-	-	-	-
	390.168	20.027	269.922	57.844	100	-
Công nợ tài chính						
Vay ngắn hạn	54.130	-	-	100.000	-	-
Phải trả người bán	1.968.513	179.988	97.000	342.450	2.353	-
Trả trước cho người bán	5.931	-	-	4.680	-	-
	2.028.574	179.988	97.000	447.130	2.353	-

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay	70.920.991.432	73.042.804.939	14.653.403.359	158.617.199.730
Phải trả người bán	110.615.831.291	292.884.003	-	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	31.384.199.605	1.462.528.500	-	32.846.728.105
Chi phí phải trả	6.262.921.348	218.560.000	-	6.481.481.348
Phải trả khác	13.442.185.994	88.127.016	1.228.632.200	14.758.945.210
	232.626.129.670	75.104.904.458	15.882.035.559	323.613.069.687
31 tháng 12 năm 2010				
Các khoản vay	58.352.957.679	61.345.893.686	-	119.698.851.365
Phải trả người bán	65.803.484.802	6.907.486.240	-	72.710.971.042
Người mua trả tiền trước	14.582.654.839	4.020.037.242	-	18.602.692.081
Chi phí phải trả	7.221.398.877	180.505.376	-	7.401.904.253
Phải trả khác	28.555.132.356	115.221.448	972.738.200	29.643.092.004
	174.515.628.553	72.569.143.992	972.738.200	248.057.510.745

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	11.282.011.827	-	11.282.011.827
Phải thu khách hàng	159.708.594.039	8.870.775.225	168.579.369.264
Trả trước cho người bán	19.957.904.304	393.315.147	20.351.219.451
Phải thu khác	4.656.036.989	-	4.656.036.989
Đầu tư dài hạn khác	4.567.337.373	13.542.767.098	18.110.104.471
	200.171.884.532	22.806.857.470	222.978.742.002
31 tháng 12 năm 2010			
Đầu tư ngắn hạn	11.223.403.986	-	11.223.403.986
Phải thu khách hàng	173.759.248.584	19.812.674.886	193.571.923.470
Trả trước cho người bán	18.522.880.954	818.059.634	19.340.940.588
Phải thu khác	2.331.643.760	-	2.331.643.760
Đầu tư dài hạn khác	-	8.556.347.464	8.556.347.464
	205.837.177.284	29.187.081.984	235.024.259.268

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2011	2010
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Mượn tiền	(1.450.000.000)	(16.840.000.000)

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	(50.000.000)	(4.570.000.000)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2011	2010
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.286.571.364	1.968.974.809

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	2011	2010
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Góp vốn	200.000.000	2.110.000.000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.047.454	1.500.000.000
		Cho vay	200.000.000	-
		Cho mượn tiền	45.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Công ty liên kết	Góp vốn	-	960.000.000
		Nhận cổ tức	131.800.849	103.697.563
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.110.973	7.994.909.341
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.732.000)	(2.983.409.792)
		Mua tài sản cố định	-	(58.270.250)
		Cho mượn tiền	-	910.000.000
		Mượn tiền	-	(856.302.437)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	4.253.400.000
		Nhận cổ tức	-	4.253.400.000
		Chuyển nhượng vốn góp	7.820.000.000	-
		Bán hàng hóa và thành phẩm	10.589.791.282	19.401.708.868
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(745.580.536)	(2.122.529.086)
		Nhận ký quỹ bảo lãnh	-	(146.265.800)
		Phải thu phí tiện ích	115.983.501	153.983.842
		Phải trả chi phí tiện ích	(99.457.995)	-
		Chi hộ tiền thuê trạm	828.748.620	444.258.633
		Chi hộ chi phí điện	(593.200.000)	(642.000.000)
		Cho vay	20.993.333.773	23.000.000.000
		Lãi cho vay	618.050.166	1.157.791.109
		Cho mượn tiền	-	180.000.000
		Đi vay	(210.000.000)	-
		Lãi đi vay	(627.000)	-
		Phải thu phạt chậm thanh toán	417.904.680	-
Thanh lý tài sản	-	40.734.116		
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.580.051	37.772.530
		Nhận cổ tức	54.900.000	-
		Thu tiền bán hàng hóa dịch vụ	(12.736.998)	-
		Chi phí tiện ích	(3.590.001)	-
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Góp vốn	-	1.000.000.000
		Cho vay	-	800.000.000
		Lãi cho vay	140.400.000	62.520.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.497.000)	-
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Thanh lý tài sản	-	40.734.116
		Cổ tức công bố	(1.280.000.000)	(320.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	(640.000.000)	-
		Cổ tức công bố	(1.856.000.000)	(464.000.000)
Electrotecnica Arteche Hermanos, S.A	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	(1.856.000.000)	(464.000.000)
		Nhận góp vốn	(5.232.200.000)	(5.232.200.000)
		Mua quyền sử dụng công nghệ	(5.845.050.000)	-
		Mua nguyên vật liệu	(531.777.426)	-
		Mua hàng hóa	(282.273.425)	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	1.055.791	519.483.800
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	385.213.599	1.500.000.000
		Phải thu phi thương mại	245.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	2.458.433.486	29.960.835
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Phải thu thương mại	16.937.567	-
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	1.010.829.092	870.429.092
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	-	(729.974.995)
		Phải trả phi thương mại	(856.302.437)	(856.302.437)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(513.102.668)	(998.163.938)
		Phải trả phi thương mại	(37.416.090)	(212.335.198)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(960.000.000)	(320.000.000)
Công ty Cổ phần Tên Lửa	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(260.789.936)
Electrotecnica Artech Hermanos, S.A	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(343.678.667)	-

Các khoản phải thu/(phải trả) phi thương mại từ/(cho) công ty liên kết và bên liên quan là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

40. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm như sau:

	2011
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	459.763.276.621
Chi phí công nhân viên	67.871.325.673
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	1.641.932.465
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.108.523.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.841.229.933
Chi phí dự phòng	1.525.356.307
Chi phí khác	13.782.785.779

41. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 2 năm 2012, Hội đồng Quản trị nhất trí trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2011 là 12% bằng tiền mặt. Việc chia cổ tức này dự kiến được thực hiện trong tháng 5 năm 2012.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người phê duyệt:



LÂM THIỆU QUÂN
Tổng Giám đốc

